Tra cứu Biểu thuế XNK Việt Nam

Chi tiết mã HS 3824.86.00

Mã HS	3824.86.00
Mô tả hàng hóa	Chất gắn đã điều chế dùng cho các loại khuôn đúc hoặc lõi đúc; các sản phẩm và chế phẩm hóa học của ngành công nghiệp hóa chất hoặc các ngành công nghiệp có liên quan (kể cả các sản phẩm và chế phẩm chứa hỗn hợp các sản phẩm tự nhiên), chưa được chi tiết hoặc ghi ở nơi khác / - Hàng hóa đã nêu trong Chú giải phân nhóm 3 của Chương này: / - - Chứa pentachlorobenzene (ISO) hoặc hexachlorobenzene (ISO)
Đơn vị	kg
Thời điểm tạo	06/11/2026 05:53:13
Phiên bản dữ liệu	2026.04.05 – BIEU THUE XNK 2026.04.05.xlsx
Trạng thái xác minh	Dữ liệu biểu thuế đối chiếu file nguồn; khuyến cáo/mapping là thông tin định hướng; điều kiện FTA chưa xác minh.
Liên kết	https://vietnamtariff.com/hs-code/38248600/

Thuế áp dụng năm 2026

Biểu thuế	Giá trị gốc	Thuế suất	Văn bản	hiệu lực	Nguồn
Thuế NK thông thường	5	5%	15/2023/QĐ-TTg	2023-07-15	BT2026!K5512
Thuế NK ưu đãi (MFN)	0	0%	26/2023/NĐ-CP	2023-07-15	BT2026!N5512
Thuế GTGT (VAT)	8/10	8 / 10 (nhiều mức)	181/2025/NĐ-CP	2025-07-01	BT2026!Q5512
Thuế tiêu thụ đặc biệt		Không có dữ liệu			
Thuế bảo vệ môi trường		Không có dữ liệu			
Thuế xuất khẩu	0	0%	26/2023/NĐ-CP	2023-05-31	BT2026!CJ5512
Thuế XK ưu đãi CPTPP		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi EVFTA	0/0	0 / 0 (nhiều mức)	116/2022/NĐ-CP	2022-12-30	BT2026!CP5512
Thuế XK ưu đãi UKVFTA	0/0	0 / 0 (nhiều mức)	117/2022/NĐ-CP	2022-12-30	BT2026!CS5512

Thuế suất ưu đãi đặc biệt (FTA) – 2026

FTA	Giá trị gốc	Thuế suất	Căn cứ dữ liệu	Kỳ	Chứng từ xuất xứ	Văn bản	Trạng thái

AANZFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	AANZ	121/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
ACFTA	0 (-ID)	0% (trừ ID)	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	E	118/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AHKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	AHK	123/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AIFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/01/2026 - 31/12/2026	AI	122/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AJCEP	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/4/2026 - 31/3/2027	AJ	120/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	AK	119/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
ATIGA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	D	126/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
CPTPP	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	(VI)	CPTPP	115/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
EVFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EUR.1	116/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục A)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục B)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục C)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục D)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục E)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục F)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
UKVFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EUR.1	117/2022/NĐ-CP	Thuế suất %

VCFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	VC	112/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VJEPA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/4/2026 - 31/3/2027	JV · Form VJ	124/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	VK	125/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-EAEU	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EAV	113/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-LAO	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026		S	206/2025/NĐ-CP	Thuế suất %
VIFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	Form VI (verify)	131/2024/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-CAM		Không có dữ liệu	Không có dữ liệu		S	56/2026/NĐ-CP	Không có dữ liệu
VNCU		Không có dữ liệu	Không có dữ liệu		VNCB · Form VC (Cuba)	114/2022/NĐ-CP	Không có dữ liệu

Lịch sử / lộ trình thuế suất theo năm

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
ACFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AC!E5380
ATIGA	2022	2022	0	AT!E5341
ATIGA	2023	2023	0	AT!F5341
ATIGA	2024	2024	0	AT!G5341
ATIGA	2025	2025	0	AT!H5341
ATIGA	2026	2026	0	AT!I5341
ATIGA	2027	2027	0	AT!J5341
AJCEP	30/12/2022 - 31/3/2023	2022	0	AJ!E5385
AJCEP	01/4/2023 - 31/3/2024	2023	0	AJ!F5385
AJCEP	01/4/2024 - 31/3/2025	2024	0	AJ!G5385
AJCEP	01/4/2025 - 31/3/2026	2025	0	AJ!H5385

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
AJCEP	01/4/2026 - 31/3/2027	2026	0	AJ!I5385
AJCEP	01/4/2027 - 31/3/2028	2027	0	AJ!J5385
VJEPA	30/12/2022 - 31/3/2023	2022	0	VJ!E5383
VJEPA	01/4/2023 - 31/3/2024	2023	0	VJ!F5383
VJEPA	01/4/2024 - 31/3/2025	2024	0	VJ!G5383
VJEPA	01/4/2025 - 31/3/2026	2025	0	VJ!H5383
VJEPA	01/4/2026 - 31/3/2027	2026	0	VJ!I5383
VJEPA	01/4/2027 - 31/3/2028	2027	0	VJ!J5383
AKFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AK!F5385
AANZFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AANZ!H5347
AIFTA	30/12/2022	2022	0	AI!F5343
AIFTA	31/12/2022 - 30/12/2023	2023	0	AI!G5343
AIFTA	31/12/2023 - 30/12/2024	2024	0	AI!H5343
AIFTA	31/12/2024 - 31/12/2025	2025	0	AI!I5343
AIFTA	01/01/2026 - 31/12/2026	2026	0	AI!J5343
AIFTA	01/01/2027 - 31/12/2027	2027	0	AI!K5343
VKFTA	2022	2022	0	VK!E5352
VKFTA	2023	2023	0	VK!F5352
VKFTA	2024	2024	0	VK!G5352
VKFTA	2025	2025	0	VK!H5352
VKFTA	2026	2026	0	VK!I5352
VKFTA	2027	2027	0	VK!J5352
VCFTA	2022	2022	0	VC!D5393
VCFTA	2023	2023	0	VC!E5393
VCFTA	2024	2024	0	VC!F5393
VCFTA	2025	2025	0	VC!G5393

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
VCFTA	2026	2026	0	VC!H5393
VCFTA	2027	2027	0	VC!I5393
VN-EAEU	2022	2022	0	EAV!D5394
VN-EAEU	2023	2023	0	EAV!E5394
VN-EAEU	2024	2024	0	EAV!F5394
VN-EAEU	2025	2025	0	EAV!G5394
VN-EAEU	2026	2026	0	EAV!H5394
VN-EAEU	2027	2027	0	EAV!I5394
AHKFTA	2022	2022	0	AKH!D5397
AHKFTA	2023	2023	0	AKH!E5397
AHKFTA	2024	2024	0	AKH!F5397
AHKFTA	2025	2025	0	AKH!G5397
AHKFTA	2026	2026	0	AKH!H5397
AHKFTA	2027	2027	0	AKH!I5397
EVFTA	2022	2022	0	EV-NK!D5366
EVFTA	2023	2023	0	EV-NK!E5366
EVFTA	2024	2024	0	EV-NK!F5366
EVFTA	2025	2025	0	EV-NK!G5366
EVFTA	2026	2026	0	EV-NK!H5366
EVFTA	2027	2027	0	EV-NK!I5366
UKVFTA	2022	2022	0	UKV!D5368
UKVFTA	2023	2023	0	UKV!E5368
UKVFTA	2024	2024	0	UKV!F5368
UKVFTA	2025	2025	0	UKV!G5368
UKVFTA	2026	2026	0	UKV!H5368
UKVFTA	2027	2027	0	UKV!I5368

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
CPTPP	(I)	2021 (DERIVED)	0	CPTPP!D5366
CPTPP	(II)	2022 (DERIVED)	0	CPTPP!E5366
CPTPP	(III)	2023 (DERIVED)	0	CPTPP!F5366
CPTPP	(IV)	2024 (DERIVED)	0	CPTPP!G5366
CPTPP	(V)	2025 (DERIVED)	0	CPTPP!H5366
CPTPP	(VI)	2026 (DERIVED)	0	CPTPP!I5366
CPTPP	(VII)	2027 (DERIVED)	0	CPTPP!J5366
RCEP A	2022	2022	0	RCEPT-A!D5387
RCEP A	2023	2023	0	RCEPT-A!E5387
RCEP A	2024	2024	0	RCEPT-A!F5387
RCEP A	2025	2025	0	RCEPT-A!G5387
RCEP A	2026	2026	0	RCEPT-A!H5387
RCEP A	2027	2027	0	RCEPT-A!I5387
RCEP B	2022	2022	0	B!D5387
RCEP B	2023	2023	0	B!E5387
RCEP B	2024	2024	0	B!F5387
RCEP B	2025	2025	0	B!G5387
RCEP B	2026	2026	0	B!H5387
RCEP B	2027	2027	0	B!I5387
RCEP C	2022	2022	0	C!D5387
RCEP C	2023	2023	0	C!E5387
RCEP C	2024	2024	0	C!F5387
RCEP C	2025	2025	0	C!G5387
RCEP C	2026	2026	0	C!H5387
RCEP C	2027	2027	0	C!I5387
RCEP D	2022	2022	0	D!D5387

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
RCEP D	2023	2023	0	D!E5387
RCEP D	2024	2024	0	D!F5387
RCEP D	2025	2025	0	D!G5387
RCEP D	2026	2026	0	D!H5387
RCEP D	2027	2027	0	D!I5387
RCEP E	2022	2022	0	E!D5390
RCEP E	2023	2023	0	E!E5390
RCEP E	2024	2024	0	E!F5390
RCEP E	2025	2025	0	E!G5390
RCEP E	2026	2026	0	E!H5390
RCEP E	2027	2027	0	E!I5390
RCEP F	2022	2022	0	F!D5387
RCEP F	2023	2023	0	F!E5387
RCEP F	2024	2024	0	F!F5387
RCEP F	2025	2025	0	F!G5387
RCEP F	2026	2026	0	F!H5387
RCEP F	2027	2027	0	F!I5387
VIFTA	2024	2024	0	VI!F4956
VIFTA	2025	2025	0	VI!G4956
VIFTA	2026	2026	0	VI!H4956
VIFTA	2027	2027	0	VI!I4956

Khuyến cáo & cảnh báo

Mã rủi ro	Mức	Tên rủi ro	Mô tả	Dữ liệu liên quan	Căn cứ pháp lý	Khuyến nghị	Trạng thái xác minh

OR-001	YELLOW	Chưa có nước xuất xứ	Chưa thể đánh giá FTA khi chưa có nước xuất xứ.			Nhập nước xuất xứ để so sánh các biểu thuế ưu đãi đặc biệt.	Chưa xác minh – cần kiểm tra
TAX-001	YELLOW	Nhiều mức thuế GTGT	Cột VAT ghi “8/10”.		181/2025/NĐ-CP	Xác định mức VAT theo bản chất hàng hóa và quy định giảm thuế (174/2025/NĐ-CP, Phụ lục I/II).	Chưa xác minh – cần kiểm tra
TR-004	GRAY	Not Assessed – Additional Regulatory Verification Required	File nguồn không ghi nhận biện pháp phòng vệ thương mại cho mã 3824.86.00. Điều này KHÔNG có nghĩa là không có rủi ro.			Kiểm tra cơ sở dữ liệu phòng vệ thương mại của Bộ Công Thương (Cục Phòng vệ thương mại).	Chưa xác minh – cần kiểm tra
DQ-001	GREEN	Thuế MFN có trong biểu nguồn	Thuế suất MFN 0% của mã 3824.86.00 được đối chiếu với BT2026 (ô BT2026!N5512), căn cứ 26/2023/NĐ-CP.		26/2023/NĐ-CP	Phạm vi xác minh: đối chiếu với file nguồn phiên bản 2026.04.05, không thay thế văn bản pháp luật.	Đã đối chiếu với file biểu thuế nguồn

Báo cáo mang tính tham khảo, được tạo tự động từ dữ liệu biểu thuế nguồn và quy tắc khuyến cáo. Đây không phải quyết định của cơ quan hải quan, không xác nhận mã HS, điều kiện hưởng FTA hay hiệu lực pháp lý. Người dùng chịu trách nhiệm đối chiếu văn bản pháp luật hiện hành.